

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II (2025-2026)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu 1. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 của quân dân Việt Nam kết thúc thắng lợi có ý nghĩa

- A. quyết định buộc Pháp kí Hiệp định Giơnevơ.
- B. đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của Pháp.
- C. bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của Pháp.
- D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của Pháp.

Câu 2. Ngày 16/5/1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng), đã đánh dấu bước ngoặt gì ở miền Bắc Việt Nam?

- A. Miền Bắc chuyển sang cách mạng XHCN.
- B. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
- C. Miền Bắc bắt đầu đi lên xây dựng CNXH.
- D. Miền Bắc chuẩn bị giải phóng.

Câu 3. Ngày 19/12/1946, thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Điều đó cho thấy

- A. âm mưu cầu kết giữa thực dân Pháp và quân Trung Hoa dân quốc đã thất bại.
- B. công cuộc chuẩn bị kháng chiến lâu dài của Việt Nam đã hoàn thiện.
- C. nhân dân Việt Nam quyết không nhượng bộ lợi ích tối cao của dân tộc.
- D. Đảng và Chính phủ đã chọn đúng thời cơ để phát động cuộc kháng chiến

Câu 4. Việc đàm phán và ký kết Hiệp định Sơ bộ giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với đại diện Chính phủ Pháp (6/3/1946) có tác dụng như thế nào?

- A. Chuyển quan hệ giữa Việt Nam và Pháp từ đối đầu sang đối thoại.
- B. Tạo thời gian hòa bình để Việt Nam tổ chức bầu cử Quốc hội.
- C. Giúp Việt Nam ngăn chặn được mọi nguy cơ xung đột với Pháp.
- D. Thể hiện thiện chí hòa bình của hai chính phủ Việt Nam và Pháp.

Câu 5. Điểm khác nhau của chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 so với chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 của quân dân Việt Nam là về

- A. Địa hình tác chiến.
- B. Loại hình chiến dịch.
- C. Đối tượng tác chiến.
- D. Lực lượng chủ yếu.

Câu 6. Điểm chung về hoạt động quân sự của quân dân Việt Nam trong các chiến Việt Bắc thu – đông năm 1947, Biên giới thu – đông năm 1950 và Điện Biên Phủ năm 1954 sự kết hợp giữa

- A. đánh điểm, diệt viện và đánh vận động.
- B. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.
- C. tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân.
- D. bao vây, đánh lấn và đánh công kiên.

Câu 7. Đảng và Chính phủ Việt Nam quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (19/12/1946) vì lí do nào sau đây?

- A. Thực dân Pháp đang mở rộng cuộc đánh chiếm Nam Bộ.
- B. Thực dân Pháp bắt đầu đánh chiếm các đô thị ở phía Bắc
- C. Nền độc lập, chủ quyền của dân tộc bị đe dọa nghiêm trọng.
- D. Thời gian “hai bên ngừng bắn” giữa ta và Pháp đã kết thúc.

Câu 8. Trong giai đoạn 1945 – 1954, sự kiện nào sau đây đã làm chuyển biến về thế và lực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam?

- A. Chiến thắng trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).
- B. Pháp ngày càng lệ thuộc vào viện trợ của Mỹ (1953).
- C. Mỹ tăng cường viện trợ quân sự cho nước Pháp (1953).
- D. Mỹ can thiệp, dính líu sâu vào Đông Dương (1950).

Câu 9. Nét tương đồng về nghệ thuật quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì?

- A. Chia cắt, từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của đối phương.
- B. Bao vây, đánh lấn, kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng.
- C. Tập trung lực lượng, bao vây, tổ chức tiến công hợp đồng binh chủng.
- D. Từng bước xiết chặt vòng vây, kết hợp đánh tiêu diệt và đánh tiêu hao.

Câu 10. Đảng và Chính phủ Việt Nam thực hiện hòa hoãn với thực dân Pháp (1946) có tác dụng nào sau đây?

- A. Chuẩn bị đầy đủ cho cuộc đối đầu với quân Trung Hoa Dân quốc.
- B. Là điều kiện để Việt Nam giành thắng lợi trên mặt trận ngoại giao.
- C. Buộc Trung Hoa Dân quốc nhanh chóng rút quân đội về nước.
- D. Làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp.

Câu 11. Trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954, quân đội và nhân dân Việt Nam thực hiện kế sách gì để đối phó với kế hoạch Nava?

- A. Lừa địch để đánh địch.
- B. Đánh điểm, diệt viện
- C. Đánh vận động và công kiên.
- D. Điều địch để đánh địch.

Câu 12. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 9/1945 đến cuối tháng 12/1946, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không gặp trở ngại nào sau đây?

- A. Chỉ có một số nước Đồng minh công khai ủng hộ Việt Nam độc lập.
 B. Quân Đồng minh ở Việt Nam có mục tiêu chống phá cách mạng.
 C. Việt Nam nằm trong khu vực ảnh hưởng của các nước phương Tây.
 D. Chưa nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- Câu 13.** Bài học kinh nghiệm nào trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) được Đảng Lao động Việt Nam tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975)?
 A. Phát huy sự đoàn kết của ba nước Đồng Dương, tranh thủ sự đồng thuận của quốc tế.
 B. Kết hợp đấu tranh chính trị và chiến tranh du kích với đấu tranh vũ trang và dân vận.
 C. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với quốc tế.
 D. Tăng cường đoàn kết trong nước và quốc tế thông qua hình thức mặt trận thống nhất.
- Câu 14.** Trong thời kì 1945 – 1954, các chiến dịch của quân đội và nhân dân Việt Nam đều nhằm
 A. củng cố và mở rộng căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.
 B. phá âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp.
 C. hỗ trợ chiến tranh du kích ở vùng Pháp tạm bị chiếm.
 D. tiêu diệt được một bộ phận sinh lực của quân đội Pháp.
- Câu 15.** Ở Việt Nam, chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) đều
 A. có sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng.
 B. có sự điều chỉnh phương châm tác chiến.
 C. tiêu diệt được hết lực lượng của đối phương.
 D. là những trận đánh quyết chiến chiến lược.
- Câu 16.** Trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), quân đội Việt Nam đánh Pháp bằng việc
 A. hợp đồng các binh chủng.
 B. lấy lực thắng thế.
 C. lấy ít địch nhiều.
 D. trí tuệ thắng vũ khí hiện đại.
- Câu 17.** “Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và ý nghĩa chính trị quan trọng” là nhận định của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến dịch nào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam?
 A. Việt Bắc thu – đông năm 1947.
 B. Điện Biên Phủ năm 1954.
 C. Biên giới thu – đông năm 1950.
 D. Trung Lào năm 1953.
- Câu 18.** Một trong những nguyên tắc quan trọng của Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc và Pháp (từ tháng 9/1945 đến trước 19/12/1946) là
 A. đảm bảo về an ninh quốc gia.
 B. Đảng Cộng sản được hoạt động.
 C. không chấp nhận nằm trong liên hiệp của Pháp.
 D. tránh xung đột với nhiều kẻ thù ở cùng thời điểm.
- Câu 19.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tính chất dân chủ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) ở Việt Nam?
 A. Từng bước xóa bỏ các giai cấp bóc lột trong suốt cuộc kháng chiến.
 B. Tiến hành cuộc kháng chiến kết hợp với xây dựng chế độ mới.
 C. Hoàn thành mục tiêu “người cày có ruộng” trong kháng chiến.
 D. Chấm dứt sự bóc lột của giai cấp địa chủ ở các vùng căn cứ du kích.
- Câu 20.** Căn cứ địa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam **không** phải là
 A. nơi đứng chân của lực lượng vũ trang.
 B. một loại hình hậu phương kháng chiến.
 C. trận địa tiến công quân xâm lược.
 D. nơi đối phương bất khả xâm phạm.
- Câu 21.** Khó khăn chung của quân dân Việt Nam khi mở các chiến dịch Việt Bắc thu – đông (1947), Biên giới thu – đông (1950) và Điện Biên Phủ (1954) là gì?
 A. Đế quốc Mĩ can thiệp, dính líu và muốn quốc tế hóa chiến tranh.
 B. Địa bàn tác chiến đều ở miền núi, không có lợi thế cho Việt Nam.
 C. Xa căn cứ hậu cần kháng chiến nên công tác chuẩn bị phức tạp.
 D. Phong trào cách mạng trên thế giới chưa thắng lợi hoàn toàn.
- Câu 22.** Điểm chung của Cách mạng tháng Tám (1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) ở Việt Nam là có sự kết hợp của
 A. đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.
 B. lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.
 C. chiến tranh chính quy và du kích.
 D. lực lượng vũ trang ba thứ quân.
- Câu 23.** Thực tiễn về mối quan hệ giữa nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975) cho thấy, biện pháp quyết định để Việt Nam hội nhập quốc tế thành công là phải
 A. xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
 B. coi trọng quốc phòng, an ninh, chủ động đối phó trong mọi hoàn cảnh.
 C. coi những điều kiện chủ quan luôn giữ vai trò quyết định.
 D. chú trọng phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 24. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 là thắng lợi quân sự lớn nhất của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), vì đã

- A. dẫn tới sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên toàn thế giới.
- B. làm phá sản bước đầu Kế hoạch Nava của tư bản Pháp có Mĩ giúp đỡ.
- C. tác động trực tiếp buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ (1954) về Đông Dương.
- D. làm thất bại âm mưu của Mĩ muốn quốc tế hóa cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 25. Một điểm tương đồng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống pháp (1945 – 1954) ở Việt Nam là gì?

- A. Lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định thắng lợi.
- B. Lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định thắng lợi.
- C. Luôn sáng tạo trong phương thức sử dụng lực lượng.
- D. Có sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 26. Thực chất của những đợt cải cách ruộng đất và cải tạo quan hệ sản xuất ở miền Bắc Việt Nam thực hiện trong những năm 1954 – 1958 là gì?

- A. Hoàn thành nốt các nhiệm vụ của cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- B. Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất kĩ thuật cho chế độ cộng sản chủ nghĩa.
- C. Chuẩn bị điều kiện trực tiếp để giương cao ngọn cờ độc lập thống nhất.
- D. Hoàn thành nốt nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 27. Sự kiện nào sau đây ở Việt Nam đã tác động tích cực đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa Pháp tại châu Phi?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông (1947).
- B. Pháp đang sa lầy ở Việt Nam (1954).
- D. Chiến dịch Biên giới thu – đông (1950).
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).

Câu 28. Mục tiêu hàng đầu của quân dân Việt Nam khi mở các cuộc tiến công quân Pháp trong Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là gì?

- A. Đưa cuộc kháng chiến tiến lên thắng lợi.
- B. Đập tan kế hoạch quân sự Nava của Pháp.
- C. Buộc đối phương phải phân tán binh lực.
- D. Tạo ra điều kiện thuận lợi cho đàm phán.

Câu 29. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), mục tiêu cao nhất của Đảng và Chính phủ Việt Nam khi mở các chiến dịch là đều

- A. củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.
- B. phá âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp.
- C. thay đổi tình thế trên chiến trường để đưa cuộc kháng chiến tiến lên.
- D. ép thực dân Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán, kết thúc chiến tranh.

Câu 30. Nhân tố quyết định cho những thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 – 1954) là gì?

- A. Nắm bắt được thời cơ, vượt qua thách thức đưa đất nước tiến lên.
- B. Coi trọng giáo dục và khoa học – kĩ thuật là quốc sách hàng đầu.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo phát huy nội lực và ngoại lực.
- D. Chính sách thu hút các nguồn vốn từ trong nước và của Việt kiều.

Câu 31. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tính chất dân chủ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) ở Việt Nam?

- A. Chấm dứt sự bóc lột của giai cấp địa chủ ở các vùng căn cứ du kích.
- B. Chống đế quốc kết hợp với từng bước đem lại quyền lợi cho nông dân.
- C. Hoàn thành mục tiêu “người cày có ruộng” ngay trong kháng chiến.
- D. Từng bước xóa bỏ các giai cấp bóc lột trong suốt cuộc kháng chiến.

Câu 32. Kết quả lớn nhất của quân dân Việt Nam đạt được trong cuộc Tiến chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 là gì?

- A. Buộc Pháp phải phân tán lực lượng ra nhiều nơi để đối phó với ta.
- B. Làm cho kế hoạch tập trung binh lực của Pháp bị phá sản hoàn toàn.
- C. Pháp phải tập trung toàn binh lực ở Điện Biên Phủ để đối phó với ta.
- D. Tăng thêm mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán binh lực của Pháp.

Câu 33. Thực tiễn qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mĩ (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam cho thấy, đấu tranh ngoại giao muốn có kết quả tốt cần phải

- A. tạo nên thế và lực trên chiến trường.
- B. coi trọng hậu phương kháng chiến.
- C. tranh thủ được sự ủng hộ của các nước lớn và dư luận quốc tế.
- D. thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền đất nước.

Câu 34. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 9/1945 đến cuối tháng 12/1946, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp trở ngại nào sau đây?

- A. Mĩ biến Việt Nam thành tâm điểm của cục diện hai cực, hai phe.

- B.** Chỉ có một số nước Đồng minh công khai ủng hộ Việt Nam độc lập.
C. Mỹ viện trợ cho Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.
D. Chưa nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- Câu 35.** Quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?
A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống của dân tộc với sức mạnh hiện tại.
B. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi.
C. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh.
- Câu 36.** Thắng lợi của Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) có sự tham gia của
A. Mặt trận dân tộc giải phóng dân đường.
B. các binh đoàn quyết thắng hỗ trợ.
C. lực lượng chính trị nổi dậy hỗ trợ.
D. lực lượng vũ trang làm nòng cốt.
- Câu 37.** Nhận xét nào sau đây là **không** đúng về bản Hiệp định Sơ bộ Việt – Pháp (ngày 6/3/1946)?
A. Là diễn hình về sự chủ động của Chính phủ Việt Nam trong đấu tranh ngoại giao, đối thoại.
B. Chuyển Pháp từ vị trí đối tác trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam.
C. Chuyển quan hệ giữa Việt Nam và Pháp từ đối đầu quân sự sang
D. Biến một hiệp ước hai bên thành thỏa thuận ba bên có lợi cho cách mạng.
- Câu 38.** Trong những năm 1945 – 1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thực hiện một trong những biện pháp nào sau đây nhằm bảo vệ chế độ mới?
A. Tạm gác nhiệm vụ chống nội phản để tập trung tối đa đối phó với ngoại xâm.
B. Kết hợp xây dựng thực lực toàn diện với tận dụng nguồn viện trợ từ bên ngoài.
C. Kiên quyết không nhân nhượng với kẻ thù để giữ vững thành quả cách mạng.
D. Xây dựng thế trận lòng dân làm nền tảng sức mạnh kháng chiến, kiến quốc.
- Câu 39.** Để tăng cường xây dựng hậu phương kháng chiến, trong những năm 1951 – 1953, nhân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ
A. phát triển kinh tế thị trường.
B. bài trừ mê tín dị đoan.
C. điện khí hóa nông nghiệp.
D. điện khí hóa nông thôn.
- Câu 40.** Cuộc bầu cử Quốc hội khóa I và Hội đồng nhân dân các cấp (1946) đã có tác dụng nào sau đây đối với việc củng cố chính quyền nhân dân sau ngày Cách mạng sáng Tám 1945 thành công?
A. Nâng cao uy tín quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
B. Đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
C. Làm cho các cơ quan tư pháp ở cơ sở được hoàn thiện.
D. Làm cho bộ máy nhà nước từng bước được kiện toàn.
- Câu 41.** Âm mưu cơ bản của Mỹ ở miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ 1954 là biến miền Nam Việt Nam thành
A. khu kinh tế, khoa học mới.
B. trung tâm hàng không của Mỹ.
C. thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
D. nơi cung cấp nhân lực cho Mỹ.
- Câu 42.** Sau năm 1954, cách mạng miền Nam ở Việt Nam thực hiện nhiệm vụ
A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
B. cùng với miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng CNXH.
C. giải phóng hoàn toàn miền Nam tiến lên xây dựng CNXH.
D. đấu tranh vũ trang đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ.
- Câu 43.** Đặc điểm nổi bật nhất của tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ 1954 là
A. Pháp rút khỏi miền Bắc, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.
B. Pháp dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt nước ta.
C. Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.
D. Pháp chấm dứt chiến tranh và các hành động quân sự với ba nước Đông Dương.
- Câu 44.** Điểm giống nhau giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) và “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968) của Mỹ ở Việt Nam là gì?
A. Sử dụng lực lượng quân đội Mỹ là chủ yếu.
B. Thực hiện các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.
C. Nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.
D. Sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
- Câu 45.** Trong thời kỳ 1954 – 1975, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam Việt Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam vì cuộc cách mạng này
A. bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
B. làm thất bại hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.
C. trực tiếp xóa bỏ ách áp bức, bóc lột của địa chủ và tư sản miền Nam.
D. trực tiếp đánh đổ ách thống trị của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Câu 46. Chiến thắng nào dưới đây khẳng định quân dân miền Nam Việt Nam có khả năng đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mĩ?

A. An Lão (Bình Định).

B. Ba Gia (Quảng Ngãi).

C. Bình Giã (Bà Rịa).

D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 47. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam Việt Nam trong đông – xuân 1964 – 1965 góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

B. Núi Thành (Quảng Nam).

C. Bình Giã (Bà Rịa).

D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 48. Trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961 – 1965) ở miền Nam Việt Nam, Mĩ và chính quyền Sài Gòn **không** thực hiện biện pháp nào dưới đây?

A. Triển khai hoạt động chống phá miền Bắc.

B. Tiến hành các cuộc hành quân càn quét.

C. Mở những cuộc hành quân “tìm diệt”.

D. Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.

Câu 49. Đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1954 – 1975 là một Đảng lãnh đạo nhân dân

A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền Nam – Bắc.

B. thực hiện nhiệm vụ đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. hoàn thành cách mạng dân chủ và xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

D. hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước.

Câu 50. Trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt (1961 – 1965) ở miền Nam Việt Nam Mĩ đã

A. dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

B. sử dụng các chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận.

C. mở rộng chiến tranh xâm lược sang Lào và Campuchia.

D. tiến hành chiến dịch tràn ngập lãnh thổ.

Câu 51. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam đã

A. giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

B. làm sụp đổ hoàn toàn chính quyền Ngô Đình Diệm.

C. làm phá sản chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mĩ.

D. buộc Mĩ phải tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược.

Câu 52. Phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam thắng lợi dẫn đến sự ra đời của

A. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

B. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương

C. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.

Câu 53. Trong những năm 1961 – 1965, Mĩ thực hiện chiến lược nào sau đây ở miền Nam Việt Nam?

A. Đông Dương hóa chiến tranh.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Răn đe thực tế.

Câu 54. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam đã

A. làm phá sản chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mĩ.

B. chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

C. làm sụp đổ hoàn toàn chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

D. trực tiếp buộc Mĩ đưa quân đội tham chiến tại chiến trường miền Nam

Câu 55. Một trong những âm mưu của Mĩ trong thời kì 1954 – 1975 là biến miền Nam Việt Nam thành

A. căn cứ quân sự duy nhất.

B. thị trường xuất khẩu duy nhất.

C. căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương.

D. đồng minh duy nhất.

Câu 56. Để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn, phương pháp đấu tranh bạo lực cách mạng lần đầu tiên được Đảng Lao động Việt Nam đề ra tại

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960).

B. Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa I từ ngày 20 đến 26/3/1955.

C. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1/1959).

D. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7/1973).

Câu 57. Trong thời kỳ 1954 – 1975, nhân dân miền Nam Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chiến lược nào?

A. Hoàn thành cải cách ruộng đất và triệt để giảm tô, giảm tức.

B. Chống việc tổ chức bầu cử riêng rẽ của chính quyền Sài Gòn.

C. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. Chống chính sách tố cộng, diệt cộng của chính quyền Sài Gòn.

Câu 58. Đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1954 – 1975 là một Đảng lãnh đạo nhân dân

A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền Nam – Bắc.

B. thực hiện nhiệm vụ đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. hoàn thành cách mạng dân chủ và xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

D. hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước.

Câu 59. Một trong những biểu hiện của vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước ở Việt Nam (1954 – 1975) là

- A. trực tiếp đánh thắng các chiến lược chiến tranh của Mỹ.
- B. hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- C. giành thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh.
- D. làm nghĩa vụ hậu phương của chiến tranh cách mạng.

Câu 60. Một trong những biểu hiện của vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ở Việt Nam (1954 – 1975) là

- A. trực tiếp đánh thắng các chiến lược chiến tranh của Mỹ.
- B. giành thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh.
- C. nối liền hậu phương quốc tế với chiến trường miền Nam.
- D. xây dựng thành công cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Câu 61. Với chiến thắng Ấp Bắc (1/1963), quân dân miền Nam Việt Nam bước đầu làm thất bại các chiến thuật nào của Mỹ?

- A. Tìm diệt và bình định.
- B. Tìm diệt và lấn chiếm.
- C. Trục thẳng vận và thiết xa vận.
- D. Lấn chiếm và tràn ngập lãnh thổ.

Câu 62. Một trong những biểu hiện của vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước ở Việt Nam (1954 – 1975) là

- A. trực tiếp đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ.
- B. xây dựng thành công cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- C. bảo vệ vững chắc căn cứ địa chung của cách mạng cả nước.
- D. giành thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh.

Câu 63. Một trong những biểu hiện của vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước ở Việt Nam (1954 – 1975) là

- A. chi viện kịp thời các nguồn lực cho tiền tuyến miền Nam đánh Mỹ.
- B. trực tiếp đánh thắng các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mỹ.
- C. xây dựng thành công cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- D. giành thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh.

Câu 64: Hành động “Mỹ hóa” cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam thể hiện rõ nhất trong chiến lược chiến tranh nào sau đây của Mỹ?

- A. “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968).
- B. “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965).
- C. “Việt Nam hóa chiến tranh (1969 – 1972).
- D. “Đông Dương hoá chiến tranh” (1970 – 1972).

Câu 65: Năm 1965, ngay khi quân Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ vào miền Nam Việt Nam đã mở cuộc hành quân tìm diệt vào

- A. Đông Nam Bộ và Liên khu V.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Vạn Tường (Quảng Ngãi).
- D. đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 66: Chiến thắng Vạn Tường (18/8/1965) của quân dân miền Nam Việt Nam đã chứng minh

- A. lực lượng quân viễn chinh Mỹ đã mất hết khả năng chiến đấu.
- B. lực lượng vũ trang ở miền Nam đã trưởng thành và lớn mạnh.
- C. quân dân miền Nam đã đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
- D. quân dân miền Nam có khả năng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Câu 67: Nội dung nào phản ánh đúng, đầy đủ về bước phát triển mới của cách mạng miền Nam khi bước sang 1968?

- A. Chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- B. Chuyển từ thế tiến công sang tổng tiến công và nổi dậy.
- C. Chuyển sang tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
- D. Chuyển sang cục diện “vừa đánh”, “vừa đàm”.

Câu 68: Ý nghĩa lớn nhất của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968 là gì?

- A. Nước Mỹ đã phải hạ giọng, chấp nhận đến Hội nghị Pari để thương lượng.
- B. Tổng thống Mỹ đã phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” cuộc chiến tranh xâm lược.
- C. Mỹ từ “leo thang” đã phải “xuống thang” ở hai miền Nam – Bắc Việt Nam.
- D. Mở ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Việt Nam.

Câu 69: Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được tiến hành bằng lực lượng chủ yếu là

- A. quân đội Sài Gòn.
- B. cố vấn Mỹ.
- C. quân đồng minh của Mỹ.
- D. quân đội Mỹ.

Câu 70: Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 – 1973) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được tiến hành bằng lực lượng chủ yếu là

- A. quân đội Sài Gòn.
- B. cố vấn Mỹ.
- C. quân đồng minh của Mỹ.
- D. quân đội Mỹ.

Câu 71: Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời ngày 6/6/1969 là chính phủ

A. đặc biệt của nhân dân miền Nam.

B. hợp pháp của nhân dân miền Nam.

C. bất hợp pháp của nhân dân Việt Nam.

D. bí mật của nhân dân Việt Nam.

Câu 72: Một trong những điểm khác giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 – 1973) so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) của Mĩ là gì?

A. Xây dựng các ấp chiến lược và khu trù mật.

B. Dùng vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

C. Sử dụng thủ đoạn ngoại giao kết hợp với hỏa lực quân sự mạnh.

D. Thay đổi âm mưu “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam”.

Câu 73: Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập (6/6/1969) có ý nghĩa

A. cộng đồng thế giới bắt đầu ủng hộ của cuộc kháng chiến.

B. hoàn chỉnh hệ thống chính quyền cách mạng miền Nam.

C. lần đầu tiên một chính phủ hợp pháp đã được công nhận.

D. cộng đồng quốc tế không ủng hộ chính quyền Sài Gòn.

Câu 74: Để mở đầu cho cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, quân đội Việt Nam đã tấn công vào

A. Tây Nguyên.

B. Quảng Trị.

C. Đông Nam Bộ.

D. đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 75: Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân miền Nam Việt Nam đã

A. tạo thời cơ thuận lợi để quân và dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. giáng đòn nặng nề vào “Chiến tranh cục bộ”, Mĩ tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh.

C. buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

D. chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch: Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Câu 76: Đây là thắng lợi quan trọng của ba nước Đông Dương trên mặt trận ngoại giao chống “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” (1969 – 1973)?

A. Mĩ phải công nhận quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương biểu thị quyết tâm đánh Mĩ.

C. Toàn bộ quân viễn chinh Mĩ và đồng minh phải rút hết quân về nước.

D. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 77: Chiến thắng nào đã giữ vững hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương trong giai đoạn kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975)?

A. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968.

B. Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

C. Quân đội Việt – Campuchia đập tan hành quân xâm lược Campuchia năm 1970.

D. Quân đội Việt – Lào đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719 xâm lược Lào năm 1971.

Câu 78: Trong thời gian triển khai chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” (1969 – 1973), lực lượng quân Mĩ đóng vai trò

A. hỗ trợ và xung trận trên chiến trường.

B. lực lượng nòng cốt, quyết định chiến bại.

C. phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần.

D. dẫn đầu trong cuộc hành quân xâm lược.

Câu 79: Ý nghĩa lịch sử lớn nhất của chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” ở Việt Nam (1972) là gì?

A. Làm thất bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam.

B. Làm thất bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.

D. Buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 80: Điểm tương đồng trong các chiến lược chiến tranh thực dân mới mà đế quốc Mĩ thực hiện ở miền Nam (1954 – 1975) là

A. quân Mĩ và quân chư hầu làm lực lượng tiên phong.

B. sử dụng quân đội Sài Gòn làm lực lượng nòng cốt.

C. nhằm thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.

D. âm mưu dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam.

Câu 81: Con đường cách mạng của miền Nam được xác định trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973) là

A. đấu tranh ôn hòa.

B. cách mạng bạo lực.

C. cách mạng vũ trang.

D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 82: Trong chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), địa bàn tác chiến của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là

A. rừng núi.

B. đô thị.

C. nông thôn.

D. trung du.

Câu 83: “Thần tốc, bất ngờ, táo bạo, chắc thắng” là phương châm của quân dân Việt Nam trong

A. cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

B. cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

C. chiến dịch Hồ Chí Minh (1975).

D. chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

Câu 84: Đây là nguyên nhân quyết định nhất đối với sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975) ở Việt Nam?

- A. Có sự kết hợp chiến đấu, đoàn kết của nhân dân Đông Dương.
- B. Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù.
- C. Hậu phương vững chắc miền Bắc cung cấp sức người, sức của cho miền Nam.
- D. Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 85: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của Đảng Lao động Việt Nam trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 (tháng 1/1959) và lần thứ 21 (tháng 7/1973)?

- A. Chuyển hướng chiến lược từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang.
- B. Xây dựng đội quân chính trị làm yếu tố quyết định thắng lợi cuối cùng.
- C. Con đường giải phóng miền Nam là tiến công bằng bạo lực cách mạng.
- D. Kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao.

Câu 86: Chiến thắng nào của quân và dân Việt Nam thắng lợi đã hoàn thành nhiệm vụ đánh cho “Ngụy nhào”?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
- C. Hiệp định Pari được kí kết năm 1973.
- D. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 87: Sau chiến thắng nào của ta đã cho thấy sự suy yếu của quân đội Sài Gòn và sự can thiệp lại của Mỹ là rất hạn chế?

- A. Chiến thắng ở Buôn Ma Thuột.
- B. Chiến thắng ở Tây Nguyên.
- C. Chiến thắng ở Phước Long và đường số 14.
- D. Chiến thắng ở Quảng Trị.

Câu 89: Thắng lợi đó "Mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người..." Đây là đánh giá ý nghĩa của thắng lợi nào sau đây của dân tộc ta?

- A. Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).
- B. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.
- C. Kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954).
- D. Đại thắng mùa Xuân 1975.

Câu 90: Nét nổi bật về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

- A. lựa chọn đúng địa bàn và chủ động tạo thời cơ tiến công.
- B. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng.
- C. kết hợp tiến công và khởi nghĩa của lực lượng vũ trang.
- D. kết hợp đánh thắng nhanh và đánh chắc, tiến chắc.

Câu 91: Chiến dịch mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở Việt Nam là

- A. chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
- B. chiến dịch Tây Nguyên.
- C. chiến dịch Huế – Đà Nẵng.
- D. chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 92: Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng giá trị của chiến thắng Đường số 14 – Phước Long (1/1975) đối với việc củng cố quyết tâm và hoàn thành kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng Lao động Việt Nam?

- A. Trận mở màn chiến lược.
- B. Trận trinh sát chiến lược.
- C. Trận nghi binh chiến lược.
- D. Trận tập kích chiến lược.

Câu 93: Sự kiện nào đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?

- A. Trận nghi binh chiến lược.
- B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.
- C. Trận tập kích chiến lược.
- D. Trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

Câu 94: Từ năm 1954 – 1975, Mỹ thực hiện các chiến lược chiến tranh ở Việt Nam không chỉ nhằm chống phá cách mạng nước ta mà còn nhằm

- A. thực hiện tham vọng thiết lập trật tự thế giới hai cực.
- B. bảo vệ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. mở rộng phạm vi ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc.
- D. xoa dịu mâu thuẫn đang nảy sinh trong lòng nước Mỹ.

Câu 95: Hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới ở Việt Nam sau tháng 4/1975 diễn ra trong bối cảnh thế giới như thế nào?

- A. Chiến tranh lạnh đã chấm dứt.
- B. Chiến tranh thế giới thứ 2 đang diễn ra.
- C. Trật tự thế giới đa cực đã được xác lập.
- D. Xu thế hoàn hoãn Đông – Tây tiếp tục diễn ra.

Câu 96: Hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới ở Việt Nam sau tháng 4/1975 diễn ra trong bối cảnh ở trong nước là

- A. đất nước được thống nhất.
- B. đất nước đang trong công cuộc đổi mới.
- C. công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã hoàn thành.
- D. quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và Campuchia ổn định.

Câu 97: Một trong những hành động khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ của chính quyền Pôn Pốt đối với Việt Nam sau tháng 4/1975 là

- A. tổ chức cho người Khome ở Việt Nam biểu tình.
- B. phái biệt kích để xâm nhập vào Hà Nội phá hoại.
- C. cho máy bay thả bom để phong tỏa cửa sông lớn.
- D. xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ dọc biên giới Tây Nam của Việt Nam.

Câu 98. Quân đội nhân dân Việt Nam đã hành động như thế nào trước cuộc tấn công của quân Pôn Pốt cuối năm 1978?

A. Mở các cuộc phản công và dừng lại ở biên giới Việt Nam – Campuchia.

B. Tổ chức phản công, đánh bật lực lượng Pôn Pốt ra khỏi lãnh thổ.

C. Đàm phán ngoại giao, lên án hành động xâm lược của Pôn Pốt.

D. Tích cực đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao.

Câu 99. Một trong những hành động thực thi chủ quyền của Chính phủ Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

A. đưa lực lượng ra thực thi chủ quyền.

B. xây dựng các sân bay quốc tế lớn.

C. đã xây dựng nhiều căn cứ quân sự.

D. cho Mỹ thuê lại các bên cảng ở đảo.

Câu 100. Việt Nam đã làm gì khi Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương – 981 đến hoạt động trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam năm 2014?

A. Kêu gọi Trung Quốc và các nước trong khu vực kiềm chế, tiến đến đàm phán ngoại giao.

B. Kêu gọi Trung Quốc tôn trọng luật pháp quốc tế và đẩy mạnh đấu tranh quân sự.

C. Tăng cường lực lượng trên toàn Biển Đông, khiến quân đội Trung Quốc phải rút lui.

D. Tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền kinh tế và tích cực đấu tranh ngoại giao.

Câu 101. Một trong những cơ sở pháp lý để Việt Nam bảo vệ chủ quyền biển đảo và phát triển kinh tế biển là

A. Luật biển Việt Nam.

B. Tuyên bố Băng Cốc.

C. Hiến chương ASEAN.

D. Tầm nhìn ASEAN 2025.

Câu 102. Bản chất của hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của nhân dân Việt Nam là

A. chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

B. xung đột, tranh chấp biên giới.

C. để xác lập địa vị số một châu Á.

D. chiến tranh thống nhất đất nước.

Câu 103. Nguyên nhân chủ quan quyết định thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới ở Việt Nam (từ sau tháng 4/1975 đến nay) là

A. sự giúp đỡ, viện trợ của các nước đồng minh.

B. truyền thống dân tộc, yêu nước.

C. sự ủng hộ giúp đỡ của quốc tế.

D. đoàn kết ba nước Đông Dương.

Câu 104. Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông của Chính phủ Việt Nam là

A. giải quyết bằng biện pháp hòa bình.

B. luôn sử dụng vũ lực để tự vệ.

C. liên minh quân sự với Mỹ, Anh.

D. xây dựng đặc khu tại Trường Sa.

Câu 105. Tổ chức có vai trò đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam trong công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước từ sau tháng 4/1975 đến nay?

A. Ban Chấp hành Trung ương.

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

C. Ban Tuyên giáo Trung ương.

D. Ban Dân vận Trung ương.

Câu 106. Một trong những điều kiện cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước nhằm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là

A. độc lập, dân chủ.

B. hòa bình và hạnh phúc.

C. dân quyền và dân sinh.

D. độc lập và thống nhất.

Câu 107. Một trong những điểm giống về nguyên nhân thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979) và cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975) ở Việt Nam là

A. tinh thần yêu nước của nhân dân.

B. sự viện trợ to lớn của Liên Hợp quốc.

C. sự đoàn kết của ba nước Đông Dương.

D. phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ.

Câu 108. Bài học được rút ra từ các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (từ năm 1945 đến nay), vẫn có giá trị to lớn đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ở Việt Nam hiện nay là

A. tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

B. liên minh chặt chẽ với Liên Xô, Trung Quốc.

C. gia nhập vào các khối liên minh quân sự.

D. thiết lập quan hệ chiến lược với tất cả các nước

Câu 109. Nội dung nào sau đây là đường lối ngoại giao phù hợp của Việt Nam đối với Trung Quốc hiện nay?

A. Khép lại quá khứ, hợp tác kinh tế nhưng cảnh giác đề phòng.

B. Tuyên truyền cổ động chống lại Trung Quốc trên mọi mặt.

C. Chuẩn bị sức mạnh quân sự để tấn công quân Trung Quốc.

D. Hợp tác với Nhật, Mỹ, Nga để cô lập toàn diện Trung Quốc.

Câu 110: Tổ chức nào sau đây là tiền thân của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời ngày 6/6/1969.

A. Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

B. Mặt trận dân tộc giải phóng Miền nam.

C. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng Minh.

D. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Phần II. Câu hỏi trắc nghiệm Đúng/Sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu thí sinh chỉ chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”.

- a) Lần đầu tiên trong lịch sử nhân dân Việt Nam đã đánh bại thực dân Pháp.
- b) nhân dân Việt Nam đã bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám.
- c) Góp phần làm ta rõ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.
- d) Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân .

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Ở Việt Nam, nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng những quyền lợi do chế độ mới mang lại nên đồng lòng ủng hộ cách mạng. Tuy nhiên, cách mạng Việt Nam cũng đứng trước những thử thách to lớn như: Quân đội các nước đế quốc dưới danh nghĩa Đồng minh kéo vào Việt Nam, các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng, trên đất nước vẫn còn khoảng sáu vạn quân Nhật chờ giải giáp,... Trong khi đó, chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá, những tàn dư của chế độ cũ còn hết sức nặng nề.

- a) Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sau Cách mạng tháng Tám ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.
- b) Nhiệm vụ trước mắt của Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sau Cách mạng tháng Tám là chống ngoại xâm nội phản.
- c) Thuận lợi lớn nhất của Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa sau Cách mạng tháng Tám là nhân dân đã giành quyền làm chủ.
- d) Núp dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, quân đội các nước đế quốc ra sức chống phá cách mạng.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa...Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp để cứu Tổ Quốc...”.

- a) Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là cuộc kháng chiến toàn dân.
- b) Tinh thần quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập tự do của nhân dân ta.
- c) Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng là đúng đắn.
- d) Tội ác của thực dân Pháp.

Câu 4: Cho bảng dữ liệu về một số thắng lợi tiêu biểu trong những năm 1946 – 1950

Những thắng lợi tiêu biểu	Nội dung chính
Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc VT 16	Diễn ra từ ngày 19/12/1946 đến 17/2/1947 ở các đô thị như: Nam Định, Vinh,... Đặc biệt, ở Hà Nội, các trận đánh ác liệt đã diễn ra tại khu vực Bắc Bộ Phủ, Buru điện Bờ Hồ, ga Hàng Cỏ, phố Khâm Thiên,..
Chiến dịch Việt Bắc 1947	Diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12/1947 khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Quân đội Việt Nam chủ động bao vây, tiến công đẩy lùi quân Pháp khỏi một số vị trí quan trọng: Chợ Đồn, Chợ Rã, Đoan Hùng...
Chiến dịch Biên Giới 1950	Diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10/1950 ở khu vực biên giới Việt – Trung. Quân đội Việt Nam tấn công cứ điểm Đông Khê, mai phục, chặn đánh quân Pháp ở nhiều nơi trên Đường số 4, buộc chúng phải rút chạy.

- a) Các chiến dịch của ta trong những năm 1946 – 1950 đều nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
- b) Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 làm kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp bị thất bại hoàn toàn.
- c) Chiến dịch Việt Bắc 1947 là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của quân ta.
- d) Đông Khê là Trận đánh diễn ác liệt giữa ta và Pháp và có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của ta quân dân ta trong chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:

"Nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn hiện nay là: tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông - Nam Á và thế giới".

- a) Đoạn tư liệu trên xác định được nhiệm vụ thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền, chứng minh mối quan hệ mật thiết và tác dụng thúc đẩy lẫn nhau của 2 nhiệm vụ chiến lược ấy.
- b) Báo cáo chính trị của chủ tịch Hồ Chí Minh mở ra bước ngoặt cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc.
- c) Báo cáo chính trị của chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích tình hình đất nước ta tạm thời chia cắt làm hai miền có hai chế độ chính trị khác nhau.
- d) Đoạn tư liệu phản ánh về đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:

Sau ngày thực hiện Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: *"Từ ngày hoà bình được lập lại đến nay, Việt Nam đang đứng trước một tình hình mới: đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam thì đang bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai thống trị. Chúng âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của Mỹ để giành lại chiến tranh".*

- a) Sau Hiệp định Giơnevơ đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.
- b) Ở miền Bắc, Mỹ thay chân Pháp, hồng biến miền Bắc thành căn cứ quân sự, thuộc địa kiểu mới.
- c) Miền Bắc hoàn toàn giải phóng và chuyển sang thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- d) Chính quyền Sài Gòn miền Nam ra sức ngăn chặn chi viện từ Nam ra Bắc, cứu nguy cho quân đội Sài Gòn.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Với lực lượng không quân mạnh nhất thế giới, có Hạm đội 7 – được coi là bất khả xâm phạm, thường xuyên áp sát bờ biển Việt Nam và bắn phá dữ dội vào đất liền. Nhà Trắng hy vọng ném bom phá hoại miền Bắc buộc miền Bắc phải giảm chi viện miền Nam và như thế sẽ nhanh chóng ổn định tình hình đang xấu đi ở miền Nam. Chiến tranh "leo thang" của không quân Hoa Kỳ gây nhiều tổn thất to lớn cho nhân dân Việt nam. Từ giới hạn ném bom phía Nam vĩ tuyến 20, một tháng sau Hoa Kỳ ném bom tất cả mọi vùng. Từ tháng 6/1965, chúng mở rộng phạm vi hoạt động ra toàn miền Bắc với mục tiêu là nhằm đánh vào tiềm lực kinh tế và quốc phòng ở miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện cho miền Nam, hòng làm lung lay ý chí, quyết tâm chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, nâng đỡ tinh thần cho chính quyền và quân đội Sài Gòn đang suy sụp... Mỹ đã huy động vào cuộc chiến tranh này một lượng không quân và hải quân rất lớn, gồm máy bay tối tân thuộc 50 loại khác nhau, kể cả những loại mới nhất như B.52, F.111 và các loại vũ khí hiện đại.

- a) Với ưu thế về hải quân, không quân, Mỹ hy vọng sẽ ổn định được tình hình chiến sự ở miền Nam.
- b) Mục tiêu mà Mỹ sử dụng ném bom phá hoại miền Bắc là ngăn chặn chi viện từ Nam ra Bắc, cứu nguy cho quân đội Sài Gòn.
- c) Mỹ thực hiện chiến lược ném bom phá hoại chiến tranh ở Việt Nam chủ yếu ở miền Nam, không mở rộng phạm vi hoạt động ra toàn miền Bắc.
- d) Các loại hình chiến tranh Mỹ đề ra đều nhằm âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Khối đại đoàn kết toàn dân tuy có phạm vi rộng rãi nhưng lại được tổ chức một cách có hệ thống để phối hợp hành động, do đó sức mạnh của đoàn kết toàn dân được tăng lên gấp bội. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã được toàn dân tiến hành một cách có tổ chức ... nên dù trải qua nhiều hy sinh, gian khổ lâu dài nhưng cuối cùng đã giành được thắng lợi".

- a) Đoạn tư liệu nói về phạm vi rộng rãi của khối đại đoàn kết dân tộc.
- b) Đoạn tư liệu nói về hạn chế của khối đại đoàn kết dân tộc.
- c) Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc giành thắng lợi là một điều tất yếu.
- d) Khối đại đoàn kết dân có vai trò rất lớn đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Con hiểu lòng mẹ héo hon, đau xót khi con của mẹ còn phải lăn mình trong lửa đạn, những lá thư của con, của các em gửi đến mẹ chỉ nói lên một phần vụn sự gian khổ ác liệt... lòng con bao giờ cũng ao ước được trở về với mẹ, với ba, với miền Bắc ngàn vạn yêu thương."

- a) Đoạn tư liệu nói về sự gian khổ ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- b) Đoạn tư liệu nói về tư tưởng, tình cảm của người lính miền Bắc chiến đấu ở miền Nam.
- c) Trong kháng chiến chống Mỹ, phong trào thi đua yêu nước chỉ diễn ra trong sinh viên.
- d) Chiến tranh dù gian khổ, ác liệt nhưng các chiến sĩ luôn có niềm tin chiến thắng.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Chúng ta đã cố gắng làm tắt cả những gì có thể để ngăn chặn lực lượng Khmer Đỏ tràn sang đất nước mình cũng như xử lý quan hệ với các nước khác để tìm giải pháp đẩy lùi chiến tranh. Chúng ta chưa bao giờ có ý định đưa quân đi chiếm đóng hay thôn tính một quốc gia nào khác...."

Có những lý do khiến cuộc chiến của Quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia trở nên khác biệt hoàn toàn với nhiều cuộc viễn chinh của các quốc gia khác trên thế giới. Trước hết, chúng ta giúp đỡ lực lượng cách mạng Campuchia vì chính nghĩa, để họ tự giải phóng nhân dân, đất nước. Quan trọng hơn, thông qua cuộc chiến ấy, chúng ta đã đạt được mục tiêu hòa bình, ổn định, phát triển cho nước mình cũng như nước bạn...".

- a) Đoạn tư liệu nói về lý do quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ cách mạng Campuchia.
- b) Việc Việt Nam đưa Quân tình nguyện sang Campuchia không phải để xâm lược.
- c) Quân tình nguyện Việt Nam đã giải phóng nhân dân và đất nước Campuchia.
- d) Việc xóa bỏ chính quyền Pôn Pốt tạo điều kiện để khôi phục tình hữu nghị và tình đoàn kết chiến đấu vốn có giữa nhân dân Việt Nam và Campuchia.

Phần III. Tự luận

1. Trình bày ý nghĩa của Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16; chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947; chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.
2. Trình bày ý nghĩa của phong trào Đồng khởi.
3. Trình bày các chiến lược chiến tranh của Mĩ (bối cảnh ra đời, âm mưu, lực lượng tham chiến chủ yếu, thủ đoạn, quy mô...)

.....**HẾT**.....
Chúc các em làm bài tốt